

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Bắc Ninh, tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	1-2
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	3-4
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9-27



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Số 4 Nguyễn Đăng Đạo thành phố Bắc Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

Khái quát chung về Công ty

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, theo đó, tên Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh.

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH
- Tên nước ngoài : BAC NINH URBAN ENVIROMENT AND PUBLIC WORKS JSC.
- Tên viết tắt : BAC NINH URENCO, JSC
- Vốn điều lệ : 57.500.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, lăm trăm triệu đồng)
- Đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Minh Châu, Chủ tịch HĐQT
- Trụ sở chính : Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích cho thành phố Bắc Ninh.

Ban Lãnh đạo Công ty

Các Thành viên Ban Lãnh đạo điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Minh Châu	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đăng Thành	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Thu	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Cường	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thu	Phó Giám đốc
Bà Đặng Thị Thủy	Kế toán trưởng

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Ban Lãnh đạo cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Ngô Minh Châu
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số: 343/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi : Các Cổ đông****Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/03/2018 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

018
NG
PH
RƯƠN
RINH
NI
H-T

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số:05/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Văn Thắng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:0857-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	03/07/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.853.965.544	56.681.526.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	33.515.561.277	33.301.178.962
1. Tiền	111		33.515.561.277	33.301.178.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.625.929.240	19.601.080.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	28.615.760.066	15.426.492.368
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	997.285.395	1.896.628.395
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.164.854.400	2.429.930.696
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(151.970.621)	(151.970.611)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	99.236.615	2.814.313.636
1. Hàng tồn kho	141		99.236.615	2.814.313.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		613.238.412	964.953.490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	613.238.412	961.855.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	3.098.074
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			107.069.385.498	104.015.995.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		107.069.385.498	104.015.995.380
<i>1. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>V.07</i>	<i>107.069.385.498</i>	<i>104.015.995.380</i>
- Nguyên giá	222		138.219.221.218	134.053.642.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.149.835.720)	(30.037.647.567)
<i>2. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			171.923.351.042	160.697.522.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	03/07/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.961.994.626	41.466.322.999
I. Nợ ngắn hạn	310		29.361.994.626	41.466.322.999
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.224.807.472	4.521.110.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	1.074.525.397	2.380.317.335
4. Phải trả người lao động	314		4.385.414.934	8.336.564.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		57.223.545	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	6.976.430.390	22.964.653.218
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.643.592.888	3.263.677.016
II. Nợ dài hạn	330		4.600.000.000	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	4.600.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.961.356.416	119.231.199.317
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	59.335.197.416	40.605.040.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.500.000.000	23.137.979.520
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	11.229.621.339
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.129.434.965
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	108.004.493
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.835.197.416	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			78.626.159.000	78.626.159.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		78.626.159.000	78.626.159.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			171.923.351.042	160.697.522.316



Ngô Minh Châu
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Thủy
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	80.317.217.147	58.140.239.683
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.317.217.147	58.140.239.683
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	71.565.616.051	49.602.666.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.751.601.096	8.537.573.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	656.520.618	50.534.615
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	53.082.740	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5.784.084.840	2.754.967.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.570.954.134	5.833.140.817
11. Thu nhập khác	31		63.724.771	27.281.375
12. Chi phí khác	32	VI.07	1.272.135.513	3.718.839.734
13. Lợi nhuận khác	40		(1.208.410.742)	(3.691.558.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.362.543.392	2.141.582.458
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	508.689.596	464.973.638
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.853.853.796	1.676.608.820
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	322	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Ngô Minh Châu
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Thủy
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

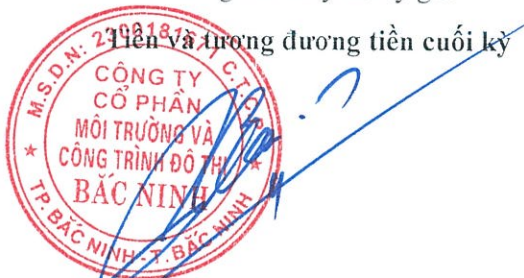
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 31/12/2017	Từ 01/01/2017
		đến 02/07/2017	đến 02/07/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	71.444.356.042	57.573.347.850
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.400.277.443)	(26.530.804.324)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.592.453.848)	(20.296.850.500)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(53.082.740)	
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.500.000.000)	(100.000.000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.536.560.081	3.331.973.103
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.465.422.214)	(10.112.227.071)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	969.679.878	3.865.439.058
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.011.818.181)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng	22	-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	656.520.618	50.534.615
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.355.297.563)	50.534.615
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.600.000.000	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	4.600.000.000	
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	214.382.315	3.915.973.673
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.301.178.962	29.385.205.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.515.561.277	33.301.178.962



Ngô Minh Châu
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Thủy
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, theo đó, tên Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh.

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH
- Tên nước ngoài : BAC NINH URBAN ENVIROMENT AND PUBLIC WORKS JSC.
- Tên viết tắt : BAC NINH URENCO, JSC
- Vốn điều lệ : 57.500.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, lăm trăm triệu đồng)
- Đại diện : Ông Ngô Minh Châu, Chủ tịch HĐQT
- Trụ sở chính : Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Ngày 03/07/2017 là ngày Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Phần mềm kế toán trên máy tính.

87
GI
HÀ
ĐNG
.HĐ
VIN
T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...) được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng mà công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...) được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay*

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

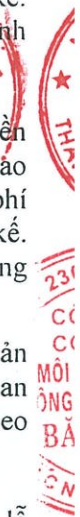
Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

	2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10



 CÔNG TY CỔ PHẦN
 MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
 BẮC NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

1816
K
C
PH
1816
G T
PH
D
NINH Đ
NIN
H-T.S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

010
NG
TH
M
VII
IA
C
THỊ
C. NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

21. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

22. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****24. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào lĩnh vực vận chuyển và kinh doanh xi măng. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại khu vực tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	03/07/2017
Tiền mặt	527.244.433	336.523.681
- Tiền Việt nam đồng	527.244.433	336.523.681
Tiền gửi ngân hàng	3.135.139.316	4.580.254.106
- Tiền gửi Việt nam đồng	3.135.139.316	4.580.254.106
- Tiền gửi ngoại tệ	-	-
Các khoản tương đương tiền	29.853.177.528	28.384.401.175
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	29.853.177.528	28.384.401.175
Tổng cộng	33.515.561.277	33.301.178.962

001.
CÔNG
ĐỢP
TRƯỞ
TRINH
C N
/H-7

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

02. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ khách hàng thông thường	8.039.103.844	(151.970.611)	3.780.804.498	(151.970.611)
<i>Trong đó:</i>				
Phòng tài nguyên và môi trường huyện Yên Phong	2.028.534.000	-	-	-
Phòng tài nguyên và môi trường huyện Tiên Du	1.404.311.000	-	-	-
UBND xã Phù Chấn	571.517.000	-	598.239.000	-
Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quế Võ	489.711.908	-	489.711.908	-
BQL dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	585.887.000	-	295.191.000	-
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	(83.880.000)	279.600.000	(83.880.000)
Công ty TNHH MT Tân Trường Lộc	226.968.703	(68.090.611)	226.968.703	(68.090.611)
Các khách hàng khác	2.452.574.233	-	1.891.093.887	-
Phải thu từ ngân sách thành phố Bắc Ninh	20.576.656.222	-	11.645.687.870	-
Tổng cộng	28.615.760.066	(151.970.611)	15.426.492.368	(151.970.611)

03. Trả trước cho người bán

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đỗ Thị Hà	823.999.395	-	823.999.395	-
Công ty TNHH Trí Thịnh	-	-	734.286.000	-
Các khách hàng khác	173.286.000	-	338.343.000	-
Tổng cộng	997.285.395	-	1.896.628.395	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

04. Phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	945.033.400	-	1.384.995.696	-
Chi phí cổ phân hóa	-	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	21.639.132	-
Kinh phí công đoàn	9.127.060	-	-	-
DNTN Phương Vỹ	-	-	399.378.290	-
Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLC T BVMB tỉnh	331.481.000	-	331.481.000	-
Khu ươm cây giống Phù Lãng	184.014.000	-	184.014.000	-
Nguyễn Công Trình	159.574.677	-	159.574.677	-
Các khách hàng khác	260.836.663	-	285.427.309	-
Tạm ứng của CBCNV	219.821.000	-	1.044.935.000	-
Tổng cộng	1.164.854.400	-	2.429.930.696	-

05. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	(83.880.000)	279.600.000	(83.880.000)
Công ty TNHH MT Tân Trường Lộc	226.968.703	(68.090.611)	226.968.703	(68.090.611)
Tổng cộng	506.568.703	(151.970.611)	506.568.703	(151.970.611)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

06. Hàng tồn kho

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	65.069.615	-	34.750.582	-
Công cụ, dụng cụ	28.256.000	-	75.631.455	-
Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	-	-	2.698.020.599	-
Hàng hóa	5.911.000	-	5.911.000	-
Tổng cộng	99.236.615	-	2.814.313.636	-

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công trình PLCC	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	24.272.119.456	369.111.836	78.626.159.000	134.053.642.947
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
- Mua sắm mới	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
- Trả lại nhà nước	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
<i>Dư cuối năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	28.437.697.727	369.111.836	78.626.159.000	138.219.221.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu năm</i>	12.763.191.421	636.456.942	16.432.375.007	205.624.197	-	30.037.647.567
<i>Tăng trong năm</i>	1.529.049.036	120.329.166	1.279.885.366	29.164.495	-	2.958.428.063
- Khấu hao trong kỳ	1.529.049.036	120.329.166	1.279.885.366	29.164.495	-	2.958.428.063
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
- Trả lại nhà nước	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
<i>Dư cuối năm</i>	14.292.240.457	756.786.108	15.866.020.463	234.788.692	-	31.149.835.720
Giá trị còn lại						
<i>Đầu năm</i>	14.470.411.234	2.916.193.058	7.839.744.449	163.487.639	78.626.159.000	104.015.995.380
<i>Cuối năm</i>	12.941.362.198	2.795.863.892	12.571.677.264	134.323.144	78.626.159.000	107.069.385.498



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****08. Chi phí trả trước**

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
Chi phí trả trước	484.638.948	704.656.489
Công cụ dụng cụ đánh giá lại khi CPH	128.599.464	257.198.927
Tổng cộng	613.238.412	961.855.416

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải thu

	03/07/2017	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2017
Thuế TNCN	3.098.074	3.098.074	-	-
Tổng cộng	3.098.074	3.098.074	-	-

b) Phải trả

	03/07/2017	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT đầu ra	1.147.317.022	1.876.189.023	2.202.466.630	821.039.415
Thuế TNDN	1.055.367.725	508.689.596	1.500.000.000	64.057.321
Thuế TNCN	-	19.796.073	8.000.000	11.796.073
Các loại thuế khác	177.632.588	-	-	177.632.588
Tổng cộng	2.380.317.335	2.404.674.692	3.710.466.630	1.074.525.397

10. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
Kinh phí công đoàn	-	14.679.820,0016
Bảo hiểm xã hội	421.663.656	-
Bảo hiểm y tế	84.936.779	-
Bảo hiểm thất nghiệp	50.116.406	-
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa (*)	1.895.748.658	18.658.702.000
Phải trả lao động dôi dư khi cổ phần hóa	-	153.120.000
Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
Phải trả về tiền lãi phần vốn góp trong giai đoạn cổ phần hóa (**)	1.075.008.937	481.989.029
Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)	966.456.000	966.456.000
Công ty CP DVTM và TVXD Minh Quang (bảo hành)	751.653.000	751.653.000
Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)	587.360.000	587.360.000
Khối lượng chưa quyết toán	521.738.000	521.738.000
Các đối tượng khác	477.128.954	684.335.369
Tổng cộng	6.976.430.390	22.964.653.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****10. Phải trả khác (tiếp)**

a) Phải trả ngắn hạn

(*) Chi tiết phải trả về cổ phần hóa

	Số tiền
Cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá	20.348.460.000
Thặng dư vốn phát hành	347.598.000
Ưu đãi cho người lao động	(1.484.236.000)
Chi phí cổ phần hóa đã chi bằng tiền	(316.408.000)
Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(83.592.000)
Chi lao động dôi dư	(153.120.000)
Lũy kế phát sinh tới ngày 2/7/2017	18.658.702.000
Số dư tại ngày 3/7/2017	18.658.702.000
Quỹ đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi CPH phải trả NN	1.567.072.108
Chênh lệch giữa phần vốn NN khi XĐGTDN và phần vốn cổ phần của NN	2.018.406.550
Kết chuyển thu cổ phiếu phát hành theo mệnh giá sang vốn góp	(20.348.460.000)
Chi phí cổ phần hóa	28.000
Cộng phát sinh trong kỳ	(16.762.953.342)
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	1.895.748.658

(**) Khoản mục bao gồm các khoản lãi suất phải trả từ các khoản góp vốn của các nhà đầu tư trong giai đoạn chuyển đổi cổ phần hóa. Số lãi tiền gửi này sẽ được phân bổ cho các cổ đông thuộc phần vốn phát hành thêm khi cổ phần hóa theo Điều 10 Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ BẮC NINH

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuế tài chính

a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng VND	4.600.000.000	4.600.000.000	-	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Kinh Bắc	4.600.000.000	4.600.000.000	-	-
Tổng cộng	4.600.000.000	4.600.000.000	-	-

12. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Phải trả người bán thông thường	15.224.807.472	15.224.807.472	4.521.110.550	4.521.110.550
<i>Trong đó:</i>				
Đỗ Duy Ngo	-	-	1.154.981.000	1.154.981.000
Công ty TNHH Thương mại và Cảnh quan cuộc sống xanh	2.737.340.198	2.737.340.198	633.984.956	633.984.956
Công ty TNHH Tiến Lộc	1.874.936.603	1.874.936.603	518.323.284	518.323.284
Công ty TNHH SXTM và DVMT Tín Nghĩa	1.070.330.047	1.070.330.047	-	-
Nguyễn Thanh Tùng	303.345.000	303.345.000	303.345.000	303.345.000
DNTN Tiến Yên	198.881.686	198.881.686	276.410.686	276.410.686
Các khách hàng khác	9.039.973.938	9.039.973.938	1.634.065.624	1.634.065.624
Tổng cộng	15.224.807.472	15.224.807.472	4.521.110.550	4.521.110.550



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	5.877.943.491	-	-	40.245.544.350
- Lãi từ 1/1/2017-2/7/2017	-	-	-	-	-	1.676.609.820	1.676.609.820
- Trích quỹ đầu tư	-	-	-	251.491.474	-	(251.491.474)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.425.118.346)	(1.425.118.346)
- Tăng khác	-	-	-	-	108.004.493	-	108.004.493
Số dư ngày 02/07/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
Chuyển đổi sở hữu ngày 3/7/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
- Hoàn nhập dự phòng phải thu	262.523.371	-	-	-	-	-	262.523.371
- TSCĐ không cần dùng	(85.601.410)	-	-	-	-	-	(85.601.410)
- Điều chỉnh theo quyết toán CPH	-	-	-	(44.943.620)	-	44.943.620	-
- Kết chuyển nguồn vốn	15.855.045.069	-	(11.229.621.339)	(4.517.419.237)	(108.004.493)	-	-
- Quỹ đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi phải trả NN	-	-	-	(1.567.072.108)	-	-	(1.567.072.108)
- Chênh lệch phần vốn nhà nước khi XDGTĐN và vốn cổ phần của NN	(2.018.406.550)	-	-	-	-	-	(2.018.406.550)
- Mệnh giá cổ phần phát hành thêm	20.348.460.000	-	-	-	-	-	20.348.460.000
Số dư sau bút toán chuyển đổi	57.500.000.000	-	-	-	-	44.943.620	57.544.943.620
- Lãi từ 3/7/2017-31/12/2017	-	-	-	-	-	1.853.853.796	1.853.853.796
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	-	-	-	-	-	(63.600.000)	(63.600.000)
Số dư ngày 31/12/2017	57.500.000.000	-	-	-	-	1.835.197.416	59.335.197.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2017	03/07/2017
UBND tỉnh Bắc Ninh	37.151.540.000	23.137.979.520
Công ty CP Môi trường Thuận Thành	14.129.000.000	-
Vũ Hà Nam	348.460.000	-
Các cổ đông là cán bộ công nhân viên	5.871.000.000	-
Cộng	57.500.000.000	23.137.979.520

c) Các giao dịch về vốn

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	23.137.979.520	23.137.979.520
Vốn góp tăng trong năm	34.362.020.480	-
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	57.500.000.000	23.137.979.520

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Doanh thu dịch vụ công ích	65.935.419.915	53.271.835.142
Doanh thu dịch vụ ngoài công ích	14.381.797.232	4.868.404.541
Tổng cộng	80.317.217.147	58.140.239.683

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Giá vốn dịch vụ công ích	60.799.119.455	44.948.288.158
Giá vốn dịch vụ ngoài công ích	10.766.496.596	4.654.378.034
Tổng cộng	71.565.616.051	49.602.666.192

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	656.520.618	50.534.615
Tổng cộng	656.520.618	50.534.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)****05. Chi phí tài chính**

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Lãi tiền vay	53.082.740	-
Tổng cộng	53.082.740	-

06. Chi phí quản lý

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Chi phí nhân viên quản lý	3.034.940.734	3.037.700.310
Chi phí vật liệu quản lý	7.578.189	14.702.812
Chi phí đồ dùng văn phòng	296.771.312	179.072.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	389.126.887	91.936.542
Thuế, phí và lệ phí	56.246.395	5.883.214
Chi phí dự phòng	151.970.621	(2.075.055.468)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	547.223.182	454.257.630
Chi phí bằng tiền khác	1.300.227.520	1.046.469.431
Tổng cộng	5.784.084.840	2.754.967.289

07. Chi phí khác

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Giảm giá sản phẩm và dịch vụ công ích	409.465.000	3.535.535.000
Phạt chậm nộp thuế và phạt hành chính	180.904.588	-
Chi phí cổ phần hóa ngoài quyết toán	656.499.258	183.304.734
Chi phí khác	25.266.667	-
Tổng cộng	1.272.135.513	3.718.839.734

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Thu nhập kế toán	2.362.543.392	2.141.583.458
Các khoản điều chỉnh	180.904.588	183.284.734
- Chi phạt chậm nộp thuế và phạt hành chính	180.904.588	183.284.734
Thu nhập chịu thuế	2.543.447.980	2.324.868.192
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	508.689.596	464.973.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 02/07/2017 được kiểm toán bởi cùng công ty kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Ngô Minh Châu
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Thủy
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

